

THÁCH THỨC VỀ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH Ở ĐẠI HỌC VÙNG, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Nguyễn Hồng Liên, Lê Thị Hoài Anh*
Đại học Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết nhằm đánh giá và đề ra những giải pháp nhằm khắc phục những thách thức trong công tác tự chủ tài chính tại Đại học vùng, Đại học Thái Nguyên. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp thu thập - tổng hợp - phân tích xử lý thông tin thứ cấp từ số liệu của Ban Kế hoạch Tài Chính - Đại học Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra được 7 giải pháp chính: Giải pháp về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý; Công tác xây dựng kế hoạch; Công tác xây dựng chiến lược; Kế hoạch đào tạo; Cơ chế chi tiêu nội bộ; Công tác tuyên truyền giáo dục và Công tác kiểm tra giám sát.

Từ khóa: *Tài chính; tự chủ tài chính; quản lý tài chính; Đại học vùng; Đại học Thái Nguyên.*

Ngày nhận bài: 09/6/2020; Ngày hoàn thiện: 23/6/2020; Ngày đăng: 30/6/2020

CHALLENGES ON FINANCIAL AUTONOMY AT REGIONAL UNIVERSITY, THAI NGUYEN UNIVERSITY

Nguyen Hong Lien, Le Thi Hoai Anh*
Thai Nguyen University

ABSTRACT

The paper aims to evaluate and propose solutions to overcome the challenges of autonomy at the Regional University, Thai Nguyen University. The research method used was a method of collecting - summarizing - analyzing and processing secondary information from data of Financial Planning Department - Thai Nguyen University. The research results have brought out seven main solutions: Solutions on organizational structure; Planning work; Strategic work; Training Plan; Internal spending mechanism; Education propaganda and supervision work.

Keywords: *Finance; financial autonomy; financial management; regional university; Thai Nguyen University.*

Received: 09/6/2020; Revised: 23/6/2020; Published: 30/6/2020

* Corresponding author. Email: lehoaianh.tn@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) là một Đại học vùng, được Nhà nước giao quyền tự chủ 1 phần kinh phí chi hoạt động thường xuyên, đã tạo điều kiện cho Đại học Thái Nguyên phát huy được quyền chủ động trong các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học để phát huy tối đa nguồn lực để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao và giữa vai trò là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) miền núi phía Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, nguồn tài chính của ĐHTN vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) cấp, nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị trong toàn Đại học có xu hướng giảm trong 4 năm qua (2015 – 2019), do quy mô tuyển sinh giảm qua các năm. Thêm vào đó, những thách thức đòi hỏi phải đổi mới giáo dục đại học: đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học tạo cho Đại học đứng trước những thách thức vô cùng to lớn, đòi hỏi phải có những giải pháp mạnh trong công tác quản lý tài chính hiệu quả, đa dạng hoá nguồn lực tài chính để vượt qua giai đoạn khó khăn và phát triển [1]-[6].

2. Nội dung

2.1. Thực trạng về công tác tài chính của Đại học Thái Nguyên

Đại học Thái Nguyên là đại học vùng đa ngành, đào tạo từ trình độ cao đẳng đến tiến sĩ. Hoạt động đào tạo không vì lợi nhuận, hướng tới mục tiêu là đại học trọng điểm, đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn đặc biệt quan trọng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng núi phía Bắc và của cả nước. Với 7 trường đại học, 01 trường cao đẳng, 01 phân hiệu có đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, giảng viên có trình độ chuyên môn cao.

2.1.1. Cơ chế quản lý tài chính tại ĐHTN

Đại học Thái Nguyên quản lý tài chính theo 2 cấp, có 15 đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc. Được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao tự chủ thuộc đơn vị đảm bảo 1 phần kinh phí chi thường xuyên theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Hàng năm, ĐHTN xây dựng, điều chỉnh và

ban hành quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản chung của Đại học và các văn bản hướng dẫn trong công tác quản lý tài chính, tài sản để làm cơ sở pháp lý cho các đơn vị thành viên thực hiện và xây dựng các quy chế nội bộ của đơn vị phù hợp với tình hình tài chính của từng đơn vị và các quy định chung của Đại học [7]-[8].

ĐHTN xây dựng kế hoạch và dự toán hàng năm, trung hạn, kế hoạch chiến lược chung của Đại học, chỉ đạo các đơn vị thành viên xây dựng kế hoạch và Dự toán của đơn vị.

Giao, phân bổ dự toán hàng năm, phê duyệt kế hoạch thực hiện dự toán đối với các đơn vị thành viên.

Phê duyệt quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị thành viên. Thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị thành viên.

Thẩm tra phê duyệt quyết toán hàng năm cho các đơn vị thành viên. Tổng hợp báo cáo quyết toán đơn vị dự toán cấp 2 trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

2.1.2. Nguồn tài chính của các đơn vị trực thuộc ĐHTN

a. Nguồn NSNN hỗ trợ

- NSNN cấp hỗ trợ 1 phần kinh phí chi thường xuyên hàng năm chiếm khoảng 15% – 25% tổng số thu sự nghiệp của ĐHTN.

- NSNN cấp chi không thường xuyên: NSNN cấp thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thực hiện các chương trình, đề án nhiệm vụ được Bộ Giáo dục giao. Trong đó NSNN cấp cho chủ yếu chi chế độ chính sách học sinh sinh viên (HSSV).

- Giai đoạn 2015 -2018 cấp kinh phí thực hiện bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cấp vào chi thường xuyên mỗi năm hơn 100 tỷ đồng, do đó kinh phí chi thường xuyên của những năm này cao hơn. Năm 2019 nguồn kinh phí này chuyển vào chi không thường xuyên, thực chất là các khoản thu học phí của người học.

Trong đó, NSNN vẫn đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động giáo dục đào tạo và nghiên cứu và chuyển giao KHCN của ĐHTN.

Bảng 1. Tổng hợp nguồn tài chính giai đoạn 2015-2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	2015	2016	2017	2018	Ước TH 2019
1	Ngân sách nhà nước giao	684,042	307,505	353,311	419,186	477,670
1.1	Chi thường xuyên	321,864	259,852	244,753	308,939	286,996
1.2	Chi không thường xuyên	91,178	47,653	59,558	87,977	184,836
1.3	Đề án, dự án					
1.4	Đầu tư xây dựng cơ bản	271,000	98,999	49,000	6,270	5,838
1.5	Vay nợ				16,000	
2	Thu sự nghiệp	675,306	617,869	607,470	618,901	680,791
2.1	Thu phí, lệ phí	502,012	479,144	417,293	473,285	520,613
2.2	Thu hoạt động dịch vụ	63,201	62,251	62,732	28,302	31,132
2.3	Thu khác	110,093	76,474	127,446	117,315	129,046
	Tổng cộng (1+2)	1,359,348	925,374	960,781	1,038,087	1,158,461

(Nguồn: Ban Kế hoạch Tài Chính, Đại học Thái Nguyên)

b. Thu hoạt động sự nghiệp

Nguồn thu sự nghiệp của ĐHTN bao gồm: Thu học phí các hệ đào tạo; Thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công như: NCKH và chuyển giao công nghệ, các hoạt động dịch vụ đào tạo và khảo thí và các hoạt động dịch vụ sự nghiệp khác. Nguồn viện trợ từ các tổ chức, cá nhân.

ĐHTN chủ yếu đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh miền núi phía bắc, chủ yếu HSSV thuộc diện chế độ chính sách. Hàng năm đối tượng HSSV được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chiếm khoảng từ 35% - 40% tổng số HSSV của toàn Đại học. Chính đặc điểm này làm ảnh hưởng tới cơ cấu tài chính, khó có khả năng đa dạng hoá nguồn thu sự nghiệp của Đại học. Hàng năm, ĐHTN phải dành từ 12% tổng nguồn thu sự nghiệp để chi trả học bổng và trợ cấp xã hội cho HSSV.

Do tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, nguồn thu chưa có nhiều khác biệt so với giai đoạn tự chủ, chủ yếu vẫn thu học phí theo nghị định 86/2015/NĐ-CP nhà nước quy định mức trần hàng năm. Giai đoạn 2015 – 2019 giảm hơn so với giai đoạn tự 2010 – 2014 do quy mô đào tạo giảm 50% chủ yếu là giảm hệ vừa học, vừa làm, học phí chỉ tăng khoảng 10%/năm.

Các nguồn thu từ NCKH, chuyển giao khoa học công nghệ, tư vấn doanh nghiệp chiếm tỷ lệ nhỏ trong nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị.

Nguồn thu từ các hoạt động liên kết đào tạo quốc tế giảm mạnh qua các năm, do các

chương trình đào tạo liên kết quốc tế không có thị trường đào tạo tại Thái Nguyên. Số liệu chi tiết được thể hiện ở bảng 1.

Ngoài ra, ĐHTN còn có nhiều dự án đầu tư trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho ĐHTN.

2.2. Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân**2.2.1. Chủ quan**

- Do nguồn thu các trường còn bị hạn chế, phụ thuộc vào NSNN, các đơn vị thành viên của đại học chưa sẵn sàng chuyển sang cơ chế tự chủ.

- Mức thu học phí thấp, 50%- 60% nguồn thu sự nghiệp của các đơn vị trong Đại học dùng để chi trả quỹ tiền lương, giảng dạy... (thanh toán cá nhân). Ngoài ra các đơn vị còn phải thực hiện trích 8% quỹ học bổng, 8% quỹ khoa học công nghệ, do đó nguồn thu chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư nâng cao chất lượng (vật tư thực hành, thực tập, phương tiện, thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy...), khó khăn trong công tác trả lương cho người có trình độ cao, tuyển dụng người tài.

- Đối tượng HSSV của các trường thành viên thuộc ĐHTN chủ yếu ở các tỉnh miền núi, vùng khó khăn, thuộc chế độ chính sách nhiều, cơ chế, chế độ hỗ trợ tài chính của nhà nước cho học sinh sinh viên còn nhiều hạn chế, do đó làm giảm nguồn thu sự nghiệp của Đại học.

- Vì đào tạo chủ yếu ở vùng núi, khó khăn trong việc thực hiện các chương trình liên kết

quốc tế, chương trình chất lượng cao, đây là những chương trình được tăng học phí.

- Nguồn tài chính của các trường hạn hẹp, khó có thể tạo điều kiện bồi dưỡng nguồn nhân lực, cán bộ, giảng viên khó có các điều kiện để được đào tạo chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn và có những công bố khoa học có giá trị. Sự hạn chế về tài chính cũng dẫn đến các trường khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và tạo dựng hình ảnh và thương hiệu của các đơn vị thành viên. Tài chính khó khăn cũng hạn chế khả năng quản trị đại học như việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm trong quản lý, hiệu quả xử lý công việc quản trị chưa cao đây cũng là rào cản để nguồn lực tài chính có thể quay lại thực hiện tái đầu tư và làm giảm khả năng cạnh tranh của Đại học.

- Khó khăn trong điều tiết nguồn thu sự nghiệp tạo quỹ phát triển sự nghiệp để xây dựng cơ sở vật chất dùng chung của Đại học, tránh đầu tư giằng trái ở các đơn vị thành viên, gây lãng phí.

2.2.2. Khách quan

- Đến thời điểm hiện tại, các trường đại học công lập được giao tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn của Bộ chủ quản do đó khó khăn cho các trường trong việc thực hiện tự chủ. Việc xây dựng phương án tự chủ tài chính hiện nay chưa có các quy định cụ thể để lập và thẩm định phương án tự chủ, chưa thực sự gắn kết giữa giao nhiệm vụ và giao kinh phí, chưa nhất quán giữa các đơn vị. Ngoài ra, chưa có chính sách khuyến khích các đơn vị tăng mức tự chủ, giảm NSNN cấp, nhiều trường còn trông chờ vào NSNN cấp, làm chậm quá trình XHH dịch vụ công.

- Thu học phí tại các trường đại học thành viên vẫn thực hiện theo nghị định 86/2015/NĐ-CP, mức học phí thấp chưa đảm bảo đủ chi phí đào tạo, tuyển sinh khó khăn, quy mô đào tạo giảm dần, dẫn đến không cân đối được doanh thu với nhu cầu kinh phí đòi hỏi ngày càng cao để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Các đơn vị thành viên có xu hướng muốn thực hiện liên doanh, liên kết, góp vốn liên doanh, tuy nhiên hành lang pháp lý chưa hoàn thiện, chưa có các hướng dẫn cụ thể việc sử dụng tài sản, đất đai, do đó làm hạn chế việc sử dụng có hiệu quả tài sản, đất đai phục vụ mục tiêu giáo dục, huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức xã hội để thực hiện xã hội hoá trong giáo dục của các đơn vị còn chưa chủ động.

- Quỹ phát triển sự nghiệp đã phần nào giúp các đơn vị tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thí nghiệm để nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, ĐHTN vẫn chưa chủ động trong việc đầu tư cơ sở vật chất do phải trình cấp trên phê duyệt kế hoạch trung hạn theo Luật đầu tư Công (chỉ được ra quyết định đầu tư với các dự án dưới 15 tỷ đồng).

- Thực hiện tự chủ đại học của các đơn vị thành viên chưa gắn với trách nhiệm giải trình, do đó có nhiều ngành mở ra nhưng không tuyển sinh được gây lãng phí nguồn nhân lực và cơ sở vật chất...

2.3. Giải pháp từng bước tự chủ tài chính của ĐH Thái Nguyên

- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, tránh chồng chéo giảm tỷ lệ kinh phí chi trả tiền lương, giảng dạy và các khoản thanh toán cá nhân để có cơ cấu chi hợp lý nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Lập kế hoạch theo hướng quản trị đại học, hạch toán các nguồn thu tài chính từ các hoạt động đào tạo, các hoạt động dịch vụ theo giá dịch vụ đảm bảo thực hiện các hoạt động thường xuyên và có tích lũy để thực hiện chiến lược phát triển của các đơn vị thành viên và của đại học vùng. Giảm dần phụ thuộc vào NSNN hàng năm để thực hiện lộ trình tự chủ.

- Xây dựng chiến lược về tài chính hợp lý cho đầu tư cơ sở vật chất trong ngắn hạn và dài hạn. Tăng cường tìm kiếm các dự án đầu tư từ mọi nguồn lực, đầu tư từ NSNN, vốn viện trợ nước ngoài, hợp tác với các doanh nghiệp trong đào tạo, liên doanh liên kết để xây dựng CSVC phục vụ đào tạo.

- Hàng năm, các đơn vị rà soát ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, xây dựng kế hoạch đào tạo cho phù hợp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả trong đào tạo. Xây dựng lại văn bản hướng dẫn chế độ nhà giáo dục trong Đại học để phù hợp với tình hình hiện tại có nhiều bất cập.

- Đổi mới trong cách xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo công khai, dân chủ, công bằng; Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của từng người lao động, trong đó chú trọng giải pháp chi trả thu nhập theo hiệu quả công việc, khuyến khích, hấp dẫn, thu hút người có trình độ, có năng lực.

- Cần tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng tới cán bộ, giảng viên, các cấp quản lý trong toàn Đại học về những nội dung tự chủ, để tránh tư tưởng trông chờ vào NSNN, các đơn vị có định hướng phát huy mọi nguồn lực để chủ động trong các hoạt động đào tạo và NCKH có hiệu quả và đảm bảo chiến lược phát triển của đơn vị. Nâng cao trình độ quản lý tài chính cũng như năng lực quản trị đại học để phát huy quyền tự chủ của các đơn vị trong hoạt động giáo dục.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các đơn vị thành viên nhằm đảm bảo các đơn vị hoạt động đúng pháp luật. Tóm lại, thực hiện cơ chế tự chủ tài chính trong Đại học Vùng đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, đòi hỏi mỗi đơn vị thành viên phải có những bước đột phá trong công tác quản lý để tồn tại và phát triển. Trước những khó khăn về tăng nguồn thu sự nghiệp, các đơn vị vẫn cần phải phát huy mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh trong giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Cơ cấu tổ chức lại bộ máy hợp lý để hoạt động hiệu quả từng bước thực hiện quyền tự chủ của mình một cách toàn diện.

3. Kết luận

Thực hiện nghiên cứu đánh giá những thách thức trong công tác tự chủ tài chính, nghiên cứu đã đề xuất những khó khăn, bất cập chủ yếu liên quan đến nguồn thu, mức thu ngân sách. Từ đây 7 giải pháp chính đã được tác giả đề xuất nhằm khắc phục những khó khăn trong công tác tự chủ. Thông qua kết quả nghiên cứu bài báo hy vọng góp phần làm cơ sở để Đại học vùng Thái Nguyên đưa ra các giải pháp để tăng cường tự chủ tài chính hơn nữa trong giai đoạn tiếp theo năm 2020-2025.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Government of Vietnam, *Decree No. 43/2006/ND-CP of April 25, 2006, providing for autonomy and self-responsibility in implementing tasks, organizational structure, payroll and finance for public non-business units*, 2006.
- [2]. Government of Vietnam, *Decree No. 75/2006 / ND-CP of August 2, 2006, detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Education Law*, 2006.
- [3]. Government of Vietnam, *Decree No. 16/2015/ND-CP dated February 14, 2015 regulating the autonomy mechanism of public non-business units*, 2015.
- [4]. Government of Vietnam, *Decree No. 48/2015/ND-CP dated May 15, 2015 detailing a number of articles of the Law on Vocational Education*, 2015.
- [5]. Government of Vietnam, *Resolution No. 05/2005/ NQ-CP dated 18/4/2005 On promoting socialization of educational, healthcare, cultural and sport activities*, 2005.
- [6]. Government of Vietnam, *Resolution No. 77/ NQ-CP dated 24/10/2014 On piloting the renovation of operation mechanism with public higher education institutions in the period of 2014 - 2017*, 2014.
- [7]. T. H. M. Vo, and R. Laking, "An institutional study of autonomisation of public universities in Vietnam," *Higher Education*, vol. 79, pp. 1079-1097, 2019.
- [8]. K. V. Dao, "Key challenges in the reform of governance, quality assurance, and finance in Vietnamese higher education – a case study," *Studies in Higher Education*, vol. 40, no. 5, pp. 740-760, 2015.